

Bản án số: 01/2026/LĐ-ST
Ngày 30 -03 - 2026
“*V/v: Tranh chấp yêu cầu tuyên
bố hợp đồng lao động vô hiệu*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Hằng, ông Y Nik Ê Ban

- Thư ký phiên tòa: ông Phạm Xuân Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Đ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động sơ thẩm thụ lý số 05/2025/TLST-LĐ ngày 12 tháng 11 năm 2025 về việc “*Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2026/QĐXXST-LĐ ngày 12 tháng 02 năm 2026. Giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Phan Văn Đ, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Thôn F, xã E, tỉnh Đắk Lắk. Ông Đ có mặt tại phiên tòa.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Trọng C, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Thôn P, xã E, tỉnh Đắk Lắk. Ông C có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Công ty cổ phần M. Địa chỉ: Thôn A, xã E, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Bá T. Chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm tổng giám đốc. *Đại diện theo ủy quyền:* Ông Tạ Hồng T1. Chức vụ: Trưởng phòng tổ chức Hành chính. Ông T1 có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk. Địa chỉ: Số A Đ, phường T, tỉnh Đắk Lắk. *Đại diện theo pháp luật:* Ông Trần Mạnh T2 – Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: ông Mai Đức C1 – Phó trưởng phòng phòng Kiểm tra. Ông C1 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

+ Bảo hiểm xã hội cơ sở E. Địa chỉ: Thôn I E, xã E, tỉnh Đắk Lắk. *Đại diện theo pháp luật:* Ông Trần Thiện T3. Chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Vĩnh T4. Chức vụ: Chuyên viên. Ông T4 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

+ Ông Phan P, sinh năm 1973. Nơi cư trú: 47C, T, phường R, thành phố Hồ

Chí Minh. Ông P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn ông Phan Văn Đ, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lê Trọng C trình bày:*

Ngày 01/01/1999, ông Phan Văn Đ ký Hợp đồng lao động không xác định thời hạn với Công ty cổ phần M. Khi ký hợp đồng lao động thì ông Đ sử dụng tên Phan P và sử dụng bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông mang tên ông Phan P để ký hợp đồng lao động với Công ty cổ phần M đường 333 và tham gia chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định. Do đó, khi ký hợp đồng lao động nêu trên thì toàn bộ giấy tờ liên quan đến hợp đồng lao động và bảo hiểm xã hội cho người lao động đều mang tên ông Phan P (Sinh: 1973, Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk cũ)

Ngày 29/7/2022, ông Đ nộp đơn chấm dứt hợp đồng lao động ký tên Phan Phong. Ngày 29/7/2022, Công ty cổ phần M ban hành quyết định chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông Phan P.

Từ ngày 01/12/2022 đến ngày 30/11/2024, ông Đ sử dụng tên Phan Văn Đ ký Hợp đồng lao động số: 416/HĐLĐ ngày 01/12/2022 có thời hạn 12 tháng và Hợp đồng lao động số: 288/HĐLĐ ngày 01/12/2023 có thời hạn 12 tháng với Công ty cổ phần M. Ngày 01/12/2024, ông Đ ký lại Hợp đồng lao động số: 352/HĐLĐ ngày 01/12/2024 không xác định thời hạn với Công ty cổ phần M và tiếp tục lao động cho đến nay. Từ ngày 01/12/2022, ông Đ vẫn lấy tên là Phan Văn Đ và tham gia bảo hiểm xã hội cho đến nay.

Ông Đ đã nhiều lần liên hệ với Bảo hiểm xã hội tỉnh E và Bảo hiểm xã hội huyện E (nay là Bảo hiểm xã hội khu vực XXV và Bảo hiểm xã hội cơ sở E) yêu cầu xem xét lại thời gian ông Đ lao động tại Công ty cổ phần M có tham gia bảo hiểm xã hội nhưng sử dụng tên và giấy tờ mang tên Phan P và điều chỉnh cho đúng người lao động đã làm việc và đang tham gia bảo hiểm xã hội thực tế là Phan Văn Đ nhằm bảo đảm quyền lợi về bảo hiểm xã hội cho người lao động. Tuy nhiên, Bảo hiểm xã hội tỉnh E và Bảo hiểm xã hội huyện E không giải quyết vụ việc.

Do đó, ông Đ yêu cầu Tòa án tuyên hợp đồng lao động không xác định thời hạn ký ngày 01/01/1999 giữa ông Phan Văn Đ (ông Đ sử dụng tên Phan P ký hợp đồng) với Công ty cổ phần M là vô hiệu và yêu cầu công nhận thời gian lao động thực tế giữa ông Phan Văn Đ với Công ty cổ phần M từ ngày 01/01/1999 đến ngày 29/7/2022.

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Đại diện theo ủy quyền của bị đơn công ty cổ phần M (viết tắt là Công ty), ông Tạ Hồng T1 trình bày:*

Năm 1996, ông Phan P nộp Đơn xin học nghề gửi đến Công ty M đường 333 kèm theo hồ sơ xin việc gồm: Sơ yếu lý lịch có xác nhận của UBND xã E; Giấy khai sinh bản sao có xác nhận của UBND xã E; Bằng tốt nghiệp phổ thông trung học; Giấy khám sức khỏe của Bệnh viện Đ3. Sau khi xem xét hồ sơ và Đơn xin học nghề của ông P, Công ty C2 và ký kết Hợp đồng đào tạo số 203/HĐĐT ngày 25/5/1996

với ông Phan P; gửi đi học tại trường C3; thời gian học tập tại trường từ tháng 6/1996 đến 5/1997. Sau thời gian học tập và tốt nghiệp, ông P được Công ty bố trí làm công nhân bậc 2/6, hệ số 1,58 theo Quyết định số 278/TCLĐ-QĐ ngày 01/01/1999 của Giám đốc Công ty về việc Hợp đồng lao động và giao kết Hợp đồng lao động không xác định thời hạn số DNN-017933 ngày 01/01/1999.

Quá trình làm việc tại Công ty, ông Phan P có sử dụng Chứng minh nhân dân số 241593128; ông P làm Tờ khai cấp sổ BHXH và Bảo hiểm xã hội tỉnh E đã cấp sổ BHXH số 4000003989 theo quy định. Quá trình làm việc tại Công ty, ông P được Công ty C4 và đóng các khoản bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp theo quy định từ ngày 01/01/1999. Đến ngày 29/7/2022 ông Phan P tự nguyện làm Đơn xin nghỉ việc, Công ty C2 và ra Quyết định số 282/QĐ-CT ngày 29/7/2022 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần M đường 333 về việc chấm dứt Hợp đồng lao động và thanh toán tiền trợ cấp thôi việc một lần 31.998.750 đồng.

Hợp đồng lao động không xác định thời hạn số DNN-017933 ngày 01/01/1999 giữa ông Phan P và Công ty được thực hiện trên cơ sở tự nguyện, đúng quy định của Bộ luật Lao động (Hai bên thống nhất đầy đủ về công việc, mức lương, thời giờ làm việc, quyền lợi và nghĩa vụ. Nội dung công việc phù hợp pháp luật, mức lương không vi phạm pháp luật, không có điều khoản nào trái với các quy định của luật). Hợp đồng và các Quyết định đều là biểu hiện thực tế của quan hệ lao động hợp pháp, liên tục, phù hợp pháp luật và Công ty đã thực hiện đúng, đầy đủ các nghĩa vụ theo hợp đồng. Hợp đồng được thực hiện liên tục trong 23 năm 07 tháng, hiện nay đã thực hiện xong và chấm dứt đúng quy định pháp luật vào ngày 29/7/2022. Việc ông Phan Văn Đ (tức Phan P) cung cấp hồ sơ giả để ký Hợp đồng lao động Công ty không biết. Công ty không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đ, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định Pháp luật.

Tại phiên tòa ông Tạ Hồng T1 cho rằng hợp đồng lao động ký ngày 01/01/1999, nhưng đến nay ông Đ mới yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu là đã hết thời hiệu khởi kiện nên không có cơ sở để chấp nhận.

** Tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở E, ông T4 trình bày:*

Công ty Cổ phần M trước đây do Bảo hiểm xã hội tỉnh E trực tiếp quản lý, từ tháng 07/2022 đến nay, cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh E đã phân cấp cho Bảo hiểm xã hội cơ sở E trực tiếp quản lý. Do đó, bảo hiểm xã hội cơ sở E không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn liên quan đến chế độ bảo hiểm phát sinh từ ngày 29/7/2022 trở về trước. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của Pháp luật.

** Quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk, ông Mai Đức C1 trình bày:*

Hồ sơ đăng ký đóng Bảo hiểm xã hội tại Công ty Cổ phần M đường 333 của ông Phan P (ông Phan Văn Đ mượn hồ sơ), sinh ngày 20/10/1973, theo mã số Bảo hiểm xã hội 4000003989, tham gia Bảo hiểm xã hội từ tháng 01/1999 đến tháng 07/2022 (tổng thời gian đóng Bảo hiểm xã hội là 23 năm 7 tháng). Hồ sơ Phan P đã hưởng Bảo hiểm thất nghiệp từ ngày 20/09/2022 đến ngày 19/09/2023 với số tiền là

39.004.800 đồng; hưởng chế độ ốm đau 02 lần với số tiền là 2.400.979 đồng (mặc dù hồ sơ thanh toán mang tên Phan P nhưng người hưởng thực tế là ông Phan Văn Đ).

Sau khi phát hiện việc mượn hồ sơ của người khác, Công ty chấm dứt hợp đồng đã ký theo tên Phan P và ký hợp đồng mới đối với ông Phan Văn Đ, sinh ngày 06/8/1976, đăng ký đóng Bảo hiểm xã hội đối với ông Phan Văn Đ theo mã số BHXH 6622912416 từ tháng 12/2022 đến nay. BHXH tỉnh Đ đề nghị:

- Chấp nhận yêu cầu Khởi kiện của ông Phan Văn Đ, tuyên bố Hợp đồng lao động giữa ông Phan P và Công ty, đề nghị Tòa án tuyên là vô hiệu toàn bộ.

- Công nhận thời gian làm việc và tham gia đóng bảo hiểm xã hội thực tế của ông Phan Văn Đ từ ngày 01/01/1999 đến ngày 29/7/2022.

- Về chế độ bảo hiểm và quyền lợi của người trực tiếp tham gia đóng bảo hiểm xã hội: Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện, bản án có hiệu lực pháp luật, ông Phan Văn Đ và Bảo hiểm xã hội tỉnh E sẽ thực hiện các thủ tục để điều chỉnh hồ sơ bảo hiểm xã hội cho ông Phan Văn Đ theo quy định hiện hành.

- Về chế độ ốm đau đã hưởng 02 lần với số tiền: 2.400.979 đồng thì đây là quyền chế độ mà người lao động đã hưởng thực tế, do vậy cơ quan không đề nghị Tòa án tuyên không thu hồi.

- Về chế độ Bảo hiểm thất nghiệp đã hưởng từ ngày 20/09/2022 đến ngày 19/09/2023 với số tiền là 39.004.800 đồng, do thực tế người lao động không nghỉ việc, vẫn tiếp tục hợp đồng và làm việc, đóng BHXH tại đơn vị theo đúng tên mới từ tháng 12/2022. Ông Đ và Bảo hiểm xã hội tỉnh sẽ giải quyết vấn đề này theo quy định hiện hành sau khi bản án có hiệu lực, hiện nay không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phan P trình bày:*

Ông P và ông Phan Văn Đ có mối quan hệ họ hàng. Trước năm 1999 khi ông P sinh sống cùng với gia đình ông Phan Văn Đ1 tại huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Ông Đ tự lấy bằng cấp 3 (PTTH) của ông P để đi học và ký Hợp đồng lao động với Công ty cổ phần M và tham gia chế độ bảo hiểm xã hội thì ông P không biết.

Ông P không trực tiếp ký hợp đồng lao động với Công ty cổ phần M và không trực tiếp lao động, không hưởng lương và không trực tiếp tham gia đóng bảo hiểm xã hội. Ông Đ là người trực tiếp lao động làm việc, hưởng lương tại Công ty và tham gia đóng bảo hiểm xã hội. Ông P đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đ. Ông P không có yêu cầu độc lập, không yêu cầu và không tranh chấp gì liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc quan hệ tranh chấp yêu cầu tuyên hợp đồng lao động vô hiệu và công nhận thời gian lao động thực tế với bị đơn. Bị đơn có địa chỉ trụ sở tại xã E, tỉnh Đắk Lắk. Đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk theo quy định tại khoản 5 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35 BLTTDS.

Về sự vắng mặt của các đương sự: người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phan P, Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh E và E cơ sở E có văn bản yêu cầu giải quyết vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định của khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về thời hiệu khởi kiện:

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bị đơn yêu cầu HĐXX áp dụng thời hiệu khởi kiện, lý do hợp đồng lao động ký ngày 01/01/1999, nhưng đến nay nguyên đơn mới yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu là đã hết thời hiệu khởi kiện nên không có cơ sở để chấp nhận.

Căn cứ khoản 1 Điều 155 Bộ luật dân sự, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn liên quan đến bảo vệ quyền nhân thân (họ tên của người ghi trong hợp đồng không đúng họ tên của người trực tiếp ký hợp đồng), không gắn liền với tài sản do đó không có căn cứ áp dụng thời hiệu khởi kiện trong vụ án.

Hợp đồng lao động giữa nguyên đơn và bị đơn ký vào ngày 01/01/1999, do đó HĐXX cần áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 1995 để xem xét.

[2.2] Xét yêu cầu tuyên hợp đồng lao động không xác định thời hạn ký ngày 01/01/1999 giữa ông Phan P và Công ty cổ phần M là vô hiệu:

Trong quá trình thu thập chứng cứ các bên đương sự đều trình bày: Ông Phan Văn Đ sử dụng tên Phan P để tham gia kết Hợp đồng lao động ngày 01/01/1999 với Công ty. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 BLTTDS, Hợp đồng lao động ngày 01/01/1999 là chứng cứ đã được các đương sự thừa nhận, có thật không phải chứng minh.

Quá trình tham gia bảo hiểm xã hội của người lao động tên Phan P như sau: Hồ sơ đăng ký đóng Bảo hiểm xã hội tại Công ty của ông Phan P (tên ông Phan Văn Đ mượn hồ sơ), sinh ngày 20/10/1973, theo mã số Bảo hiểm xã hội 4000003989, tham gia Bảo hiểm xã hội từ tháng 01/1999 đến tháng 07/2022 (tổng thời gian đóng Bảo hiểm xã hội là 23 năm 7 tháng).

Nguyên đơn sử dụng bằng tốt nghiệp PTTH của ông P để ký Hợp đồng lao động với Công ty V, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp đầy đủ (mã số Bảo hiểm xã hội 4000003989) từ ngày 01/01/1999 đến ngày 29/7/2022. Quá trình làm việc thực tế tại Công ty, Công ty C4 và đóng các khoản bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp theo quy định cho ông Phan P nhưng người nhận thực tế là Phan Văn Đ. Thực tế, ông P không trực tiếp ký hợp đồng lao động, không trực tiếp lao động và tham gia

đóng các khoản bảo hiểm theo quy định. Việc ông Đ sử dụng hồ sơ giấy tờ của ông P để tham gia ký kết hợp đồng lao động với Công ty, tại thời điểm tuyển dụng Công ty không phát hiện được việc người lao động sử dụng hồ sơ mang tên người khác.

Đến ngày 29/7/2022, ông Đ sử dụng tên Phan P tự nguyện làm Đơn xin nghỉ việc ký tên Phan P, Công ty C2 và ra Quyết định số 282/QĐ-CT ngày 29/7/2022 của Tổng Giám đốc Công ty về việc chấm dứt Hợp đồng lao động và thanh toán tiền trợ cấp thôi việc một lần **31.998.750 đồng**. Công ty cùng tham gia bảo hiểm xã hội cho người lao động có tên Phan P từ tháng 01/01/1999 đến tháng 7/2022. Sau đó, Công ty vẫn tạo điều kiện cho nguyên đơn tiếp tục ký hợp đồng lao động có thời hạn sau cùng ký hợp đồng dài hạn cho đến nay với tên Phan Văn Đ từ ngày 01/12/2022 cho đến nay.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan P cũng xác nhận: Ông Đ lấy bằng tốt nghiệp PTTH để ký hợp đồng lao động với Công ty thì ông P không biết. Tuy nhiên, ông P không có yêu cầu gì đối với ông Đ mà cùng ý kiến với ông Đ về việc yêu cầu giải quyết tuyên hợp đồng lao động ngày 01/01/1999 là vô hiệu.

Việc nguyên đơn sử dụng Bằng tốt nghiệp phổ thông trung học của ông Phan P để giao kết hợp đồng lao động với bị đơn là không phù hợp theo quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994. Do đó việc nguyên đơn yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giữa ông Phan P (do ông Phan Văn Đ2 mượn tên) với bị đơn là có căn cứ theo quy định tại Điều 131, Điều 136 và khoản 1 Điều 142 Bộ luật Dân sự năm 1995.

Nguyên đơn chỉ yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, ngoài ra không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì trong vụ án. Căn cứ Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó HĐXX không xem xét giải quyết về hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

[2.3] Xét yêu cầu công nhận thời gian lao động thực tế giữa ông Phan Văn Đ với Công ty cổ phần M từ ngày 01/01/1999 đến ngày 29/7/2022.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự đều thừa nhận: Quá trình làm việc tại Công ty, ông Đ trực tiếp làm việc, lao động, học tập, được Công ty C4 và đóng các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định. Ông P không trực tiếp ký hợp đồng lao động, không trực tiếp lao động và tham gia đóng các khoản bảo hiểm theo quy định. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận thời gian làm việc, lao động thực tế của ông Phan Văn Đ tại Công ty từ ngày 01/01/1999 đến ngày 29/7/2022. Sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội và các cơ quan có liên quan để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[2.5] Vấn đề khác:

- Đối với số tiền trợ cấp thôi việc một lần 31.998.750 đồng mà Công ty đã chi trả cho nguyên đơn, không ai có yêu cầu gì nên HĐXX không đặt ra xem xét.

- Đối với số tiền 39.004.800 đồng bảo hiểm thất nghiệp từ ngày 20/09/2022 đến ngày 19/09/2023 mà Bảo hiểm xã hội tỉnh E đã chi trả cho nguyên đơn, nguyên đơn và bảo hiểm xã hội tỉnh E không yêu cầu giải quyết trong vụ án mà sẽ giải quyết với nhau theo quy định, do đó HĐXX không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu là 300.000đồng và án phí dân sự sơ thẩm về việc công nhận thời gian lao động thực tế là 300.000đồng, HĐXX cần ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, 32, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 131, Điều 136 và khoản 1 Điều 142 Bộ luật Dân sự năm 1995; Khoản 1 Điều 155 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994; Điều 50 và Điều 190 Bộ luật Lao động năm 2019;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn Đ về việc:

- Tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Phan P và Công ty Cổ phần M đường 333 ngày 01/01/1999 (thời gian làm việc từ ngày 01/01/1999 đến ngày 29/7/2022) vô hiệu.

- Công nhận thời gian làm việc lao động thực tế của ông Phan Văn Đ tại Công ty Cổ phần mía đường 333 từ ngày 01/01/1999 đến ngày 29/7/2022.

Ông Phan Văn Đ có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Ông Phan Văn Đ phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu và 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc công nhận thời gian lao động thực tế. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 600.000đồng do nguyên đơn (ông Lê Trọng C nộp thay) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004209 ngày 10/11/2025 tại Thị hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

3. Thông báo quyền kháng cáo:

- Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án Dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND KV7;
- Phòng THADS KV7;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, V.P.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Hải